

— Nhận bài giải sẵn hoặc giấy nháp của người khác trong phòng thi hoặc của người bên ngoài phòng thi đưa vào, dù chưa sử dụng hoặc đã sử dụng;

— Có bài làm giống nhau chứng tỏ đã chép bài của nhau trong khi thi, bị giáo viên chấm thi phát hiện và tổ chấm thi của hội đồng xác nhận;

— Dùng bài làm hoặc giấy nháp của người khác để nộp làm bài thi của mình, bị giáo viên chấm thi phát hiện và tổ chấm thi của hội đồng xác nhận, cố tình không nộp bài thi;

— Đối với những trường hợp vi phạm khác, tùy tính chất và mức độ của hành động phạm lỗi mà xử lý theo các hình thức kỷ luật đã ghi trong điều 41.

3. *Cấm không cho dự thi tốt nghiệp từ một đến hai năm, nếu phạm một trong các khuyết điểm như :*

— Hành hung cán bộ, giáo viên coi thi, chấm thi, những người phục vụ kỳ thi hoặc học sinh dự thi, đặc biệt là những kẻ cầm đầu;

— Làm mất trật tự, an ninh khu vực thi, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kỳ thi, đặc biệt là những kẻ cầm đầu.

Các hình thức xử lý kỷ luật đối với học sinh dự thi đều phải công bố trước hội đồng thi và thông báo cho cha mẹ học sinh, cho nhà trường và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh của trường biết.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43.— Bản quy chế này áp dụng cho kỳ thi tốt nghiệp phổ thông cơ sở và kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học trong phạm vi cả nước kể từ năm học 1980—1981. Riêng điểm 4 của điều 8,

chương II sẽ áp dụng từ năm học 1981—1982. Những quy chế, thề lệ và các văn bản hướng dẫn trước đây về kỳ thi trái với quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 44.— Bộ Giáo dục sẽ ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện bản quy chế này.

Điều 45.— Các đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương, chánh văn phòng Bộ, vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ, vụ trưởng Vụ giáo dục phổ thông cấp I, II, vụ trưởng Vụ giáo dục phổ thông cấp III, giám đốc Sở giáo dục thành phố, đặc khu và trường Ty giáo dục các tỉnh chịu trách nhiệm thi hành bản quy chế này.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục
NGUYỄN THỊ BÌNH

BỘ LAO ĐỘNG

THÔNG TƯ số 2-LĐ/TT ngày 25-3-1981 hướng dẫn việc nâng bậc lương trong năm 1981 đối với công nhân, cán bộ, nhân viên Nhà nước.

Qua hai năm thi hành quyết định số 274-CP ngày 25-7-1979 của Hội đồng Chính phủ và chỉ thị số 27-TTg ngày 16-1-1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng bậc lương hàng năm, các ngành, các địa phương đã đạt kết quả tương đối tốt trên các mặt khuyến khích công nhân, cán bộ, nhân viên Nhà nước cố gắng học tập, công tác, khắc phục một

09664337

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

phần quan hệ về xếp lương bất hợp lý trước đây, giúp cho việc thực hiện chính sách cán bộ được tốt hơn. Một số nơi có khuyết điểm thi hành không đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Lao động.

Các ngành, các địa phương cần uốn nắn những lệch lạc trong việc nâng bậc lương, sửa ngay những trường hợp nâng bậc sai trước khi tiến hành nâng bậc trong năm 1981.

Căn cứ vào chỉ thị số 21-TTg ngày 23-1-1981 của Thủ tướng Chính phủ, việc nâng bậc lương trong năm 1981 cho công nhân, cán bộ, nhân viên Nhà nước về cơ bản vẫn thực hiện theo thông tư số 3-LĐ/TT ngày 22-1-1980 của Bộ Lao động. Nay Bộ Lao động hướng dẫn thêm một số điểm như sau.

I. ĐỐI VỚI CÔNG NHÂN TRỰC TIẾP SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Bồi dưỡng và nâng bậc công nhân là việc làm thường xuyên để bảo đảm sự cân đối giữa yêu cầu của sản xuất và trình độ tiến bộ về nghề nghiệp. Kế hoạch bồi dưỡng nâng bậc, chỉ tiêu nâng bậc cho công nhân phải dựa trên cơ sở kế hoạch sản xuất của từng đơn vị và chỉ được nâng bậc cho công nhân đã qua kiểm tra trình độ, được hội đồng kiểm tra công nhận đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật nghề nghiệp.

2. Hàng năm đã tổ chức bồi dưỡng nâng bậc công nhân, nên không nâng hai bậc trong một lần hoặc nâng hai lần trong một năm. Những công nhân đạt danh hiệu thợ giỏi toàn ngành, nếu bậc dự thi thợ giỏi trùng với bậc thợ xét nâng bậc thì được coi như đã kiểm tra kiến thức và tay nghề để xét nâng bậc.

3. Căn cứ vào chỉ thị số 21-TTg, từ năm 1981 quy định về nâng bậc lương cho

những công nhân đã xếp bậc cao nhất của thang lương, bảng lương, khung lương có đủ thời hạn 5 năm trở lên vẫn phát huy tốt trong sản xuất, sau khi kiểm tra trình độ bậc đang xếp nếu đạt yêu cầu thì:

— Những người đã xếp bậc cao nhất của thang lương, bảng lương sẽ được nâng lên mức lương mới bằng mức lương cao nhất cộng với số tiền chênh lệch giữa bậc cao nhất với bậc liền kề dưới của thang lương, bảng lương ấy;

— Những người đã xếp bậc cao nhất của khung lương trong thang lương thì được nâng lên bậc liền kề của thang lương ngành nghề ấy.

4. Các đơn vị sản xuất, kinh doanh cần có kế hoạch, tiến độ thực hiện bồi dưỡng trình độ và nâng bậc công nhân ngay từ đầu năm, không nên để dồn vào cuối năm mới thực hiện vội vã, không chu đáo.

5. Bãi bỏ điểm 3 và điểm 4, phần I trong thông tư số 3-LĐ/TT ngày 22-1-1980 của Bộ Lao động.

II. ĐỐI VỚI CÁN BỘ, NHÂN VIÊN CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP, BỘ MÁY QUẢN LÝ SẢN XUẤT - KINH DOANH

1. Nhất thiết không được nâng từ hai bậc trở lên trong một lần hoặc trong một năm (điểm 2, chỉ thị số 27-TTg ngày 16-1-1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng bậc lương).

2. Chỉ tiêu số cán bộ, nhân viên được nâng bậc sớm từ 1 đến 2 năm không vượt quá 5% như đã quy định tại điểm 1 trong chỉ thị số 27-TTg ngày 16-1-1980 và nhắc lại ở điểm 1 trong chỉ thị số

21-TTg ngày 23-1-1981 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Nâng bậc cho những người đã xếp bậc cao nhất của bảng lương hoặc khung lương.

a) Từ nay cho đến khi cải tiến chế độ tiền lương, những cán bộ, nhân viên đã xếp bậc cao nhất của bảng lương hoặc khung lương chức vụ hiện giữ từ 5 năm trở lên, nếu đạt các tiêu chuẩn nâng bậc thì được xét nâng bậc vượt khung.

Trường hợp đã xếp bậc lương cao nhất của chức vụ hiện giữ chưa đủ 5 năm, nhưng nếu trong thời hạn 5 năm tính đến khi xếp bậc lương cao nhất ấy, tổng số tiền tăng do những lần xếp lại lương chưa đủ 70% số tiền chênh lệch giữa hai bậc lương của bảng lương chức vụ hiện giữ và nếu đạt các tiêu chuẩn nâng bậc thì cũng được xét nâng bậc vượt khung.

Ví dụ: Một kỹ sư xếp 63 đồng từ tháng 1 năm 1976, đề bạt trưởng ban huyện tháng 9 năm 1979, xếp 65 đồng (bậc cao nhất) thì nay đủ điều kiện thời hạn xét nâng bậc vượt khung.

b) Cách xếp sang bậc lương vượt khung:

Được vận dụng bảng lương cán sự hoặc bảng lương chuyên viên để xếp sang bậc lương phù hợp (tương đương với một bậc lương của bảng lương đang hưởng).

Nếu vận dụng bảng lương cán sự hoặc bảng lương chuyên viên không có mức lương phù hợp thì xếp lên một mức lương bằng bậc cao nhất của chức vụ hiện giữ cộng với số tiền chênh lệch giữa bậc cao nhất với bậc liền kề dưới của bảng lương chức vụ hiện giữ.

Đối với cán bộ, nhân viên là giáo viên phổ thông cấp I, II, y sĩ, y tá, hộ lý, cô nuôi dạy trẻ, công nhân lái xe ô-tô con, công nhân cơ quan cần thống nhất vận

dụng xếp sang mức lương vượt khung theo cách thứ hai nói trên đây, không xếp sang bảng lương cán sự hoặc bảng lương chuyên viên.

Ví dụ: Một y tá, năm 1976 xếp 72 đồng, đến nay đạt tiêu chuẩn nâng bậc thì xếp lên mức lương: $72d + (72d - 62d) = 82$ đồng.

c) Những cán bộ đã xếp mức lương từ 160 đồng trở lên, nếu xét cần nâng bậc lương hoặc cần xếp lương vượt khung thì cơ quan quản lý cán bộ đề nghị lên Ban tổ chức trung ương hoặc Ban tổ chức của Chính phủ và do Ban bí thư trung ương Đảng hoặc Thường vụ Hội đồng Chính phủ xét quyết định.

4. Cán bộ, nhân viên nào đủ điều kiện thời hạn 5 năm và đạt các tiêu chuẩn nâng bậc thì được hưởng lương mới từ tháng ký quyết định.

Cán bộ, nhân viên hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc được nâng bậc lương trước một hoặc hai năm thì quyết định nâng bậc tháng nào hưởng lương mới từ tháng ấy.

5. Bãi bỏ điểm 1, phần III trong thông tư số 3-LĐ/TT ngày 22-1-1980 của Bộ Lao động.

Để việc thực hiện chính sách, chế độ tiền lương được thống nhất và đạt kết quả tốt, Bộ Lao động đề nghị các ngành, các địa phương chỉ đạo chặt chẽ việc nâng bậc lương trong năm 1981. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc thì phản ánh cho Bộ Lao động đề nghiên cứu cùng bàn bạc giải quyết, nhất thiết không hướng dẫn và thực hiện trái với chủ trương nâng bậc lương hoặc các chế độ tiền lương quy định hiện hành. Các ngành, các địa phương có văn bản hướng dẫn cụ thể

về nâng bậc lương trong năm 1981 thì yêu cầu gửi cho Bộ Lao động.

Sau khi thực hiện nâng bậc lương trong năm 1981 cho công nhân, cán bộ, nhân viên, yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các hội quần chúng trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo kết quả cho Bộ Lao động, biểu mẫu thống kê theo biểu mẫu số 1 (cột 2, tổng số có mặt tính đến ngày 1-1-1981) tại công văn số 1403-LĐTL ngày 8-11-1980 của Bộ Lao động.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 1981

Bộ trưởng Bộ Lao động

ĐÀO THIÊN THI

THÔNG TƯ số 3 - LĐ/TT ngày 6-4-1981 hướng dẫn thi hành việc tăng phụ cấp lương tạm thời cho cán bộ, giáo viên ngành giáo dục phổ thông.

Thi hành điểm 4 trong quyết định số 15-CP ngày 14-1-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc tăng thêm phụ cấp lương tạm thời cho cán bộ, giáo viên ngành giáo dục phổ thông nhằm giảm bớt khó khăn trong đời sống của anh chị em, sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục, Bộ Lao động hướng dẫn thực hiện như sau.

I. MỨC PHỤ CẤP

Cán bộ, giáo viên ngành giáo dục phổ thông quy định cụ thể tại mục II dưới

dây đang hưởng các mức phụ cấp lương tạm thời 20%, 15%, 10% lương chính (theo quyết định số 334-CP ngày 10-10-1980 của Hội đồng Chính phủ) nay được tăng tỷ lệ phụ cấp lương tạm thời thêm 5% lương chính, cụ thể là:

— Lương tháng dưới 60 đồng được phụ cấp 25% lương chính, nhưng tổng số lương chính và phụ cấp này không được quá 72 đồng/tháng;

— Lương tháng từ 60 đồng đến 114 đồng được phụ cấp 20% lương chính, nhưng tổng số lương chính và phụ cấp này không được quá 132,25 đồng/tháng;

— Lương tháng từ 115 đồng trở lên được phụ cấp 15% lương chính.

II. ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG PHỤ CẤP

Các mức phụ cấp lương tạm thời nói trên chỉ thi hành cho các đối tượng dưới đây:

a) Giáo viên các loại trường phổ thông: phổ thông cơ sở (cấp I + cấp II), phổ thông trung học (cấp III), phổ thông trung học vừa học vừa làm; giáo viên các trường mẫu giáo trong biên chế Nhà nước;

b) Giáo viên các trường bồi túc văn hóa tập trung, nửa tập trung; tại chức; giáo viên chuyên trách bồi túc văn hóa tại các cơ quan, xí nghiệp (kể cả công trường, nông trường, lâm trường), các đơn vị thanh niên xung phong v.v...;

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các loại trường phổ thông và bồi túc văn hóa đang hưởng lương giáo viên phổ thông cộng với phụ cấp hiệu trưởng, hiệu phó theo tỷ lệ phần trăm lương chính;

d) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nói tại điểm c và hiệu trưởng, hiệu phó các trường sơ học, trung học sư phạm, giáo